

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN THANH TÙNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **TRƯƠNG THỊ Đ**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 24/12/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Trương Thị Đ trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T tiến đến kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường chửi mắng, đánh đập chị và anh chị đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh T.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/8/2008, Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 08/6/2010, hiện đang sống với anh T. Nay chị thống nhất để anh T tiếp tục nuôi hai cháu, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà

giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc chị Đ khởi kiện như trên nhưng anh T vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn anh T vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; tiếp tục giao con chung cho bị đơn nuôi, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do bị đơn không có yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không cần đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị Đ trình bày do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường chửi mắng, đánh đập chị làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Xét thấy, cho chị Đ được ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/8/2008, Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 08/6/2010, hiện đang sống với anh T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu P, cháu L cho anh T nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân các cháu cũng có ước nguyện được sống với cha. Đồng thời, chị Đ cũng thống nhất giao hai cháu cho anh T tiếp tục nuôi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giao

cháu P và cháu L cho anh T nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không có yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tại Tòa, chị Đ xác định đều không có. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nên Toà án không đặt ra giải quyết là có căn cứ.

[6] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Đ. Cho chị Trương Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/8/2008, Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 08/6/2010 cho anh T nuôi. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 09753 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM